

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HÀI HÒA VÀ BỀN VỮNG: NHÌN TỪ MÔ HÌNH CỦA VIỆT NAM

PGS, TS NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

♦ **Tóm tắt:** Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu và kinh nghiệm phát triển. Song bối cảnh mới hiện nay đã và đang đặt Việt Nam trước nhiều thách thức. Việc tiếp tục tìm kiếm cách thức phát triển như thế nào để đạt được những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội Việt Nam cần được xem xét cả từ phương diện lý luận và thực tiễn. Bài viết tập trung phân tích và đề xuất mô hình chủ nghĩa xã hội phát triển hài hòa, bền vững trong kỷ nguyên mới.

♦ **Từ khóa:** Chủ nghĩa xã hội; Chủ nghĩa xã hội hài hòa và bền vững.

Ngày nhận: 26-04-2025

Ngày thẩm định: 10-05-2025

Ngày duyệt đăng: 13-06-2025

1. Về mô hình và những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam

Mô hình cùng những đặc trưng của CNXH Việt Nam hiện nay là kết quả của một quá trình tìm tòi, tổng kết lý luận và thực tiễn lâu dài, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt, từ khi công cuộc Đổi mới được khởi xướng vào năm 1986, nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam đã có những bước phát triển căn bản, vượt qua mô hình tập trung, quan liêu, bao cấp kém hiệu quả. Những tư tưởng về mô hình và các đặc trưng này được thể hiện một cách cô đọng, toàn diện và không ngừng được bổ sung, phát triển qua các văn kiện Đại hội của Đảng, đặc biệt là ở *Cương lĩnh năm 2011* và các nghị quyết, văn kiện của các kỳ Đại hội XII, XIII cùng các Hội nghị Trung ương.

Là văn kiện quan trọng tổng kết, thể hiện rõ nét nhất mô hình và các đặc trưng cơ bản của CNXH mà nhân dân Việt Nam đang xây

dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng, *Cương lĩnh năm 2011* là sự kế thừa và phát triển từ *Cương lĩnh năm 1991*, đã định hình một cách hệ thống và toàn diện hơn những đặc trưng cốt lõi của mô hình. Xã hội XHCN Việt Nam được định nghĩa bởi tám đặc trưng cơ bản: Mục tiêu bao trùm: *dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*; Chủ thể quyền lực: *do nhân dân làm chủ*; Nền kinh tế: *có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp*; Nền văn hóa: *có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*; Con người: *con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện*; Quan hệ xã hội: *các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển*; Hệ thống chính trị: *có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo*;

Quan hệ đối ngoại: có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới¹.

Mô hình và các đặc trưng của CNXH Việt Nam tiếp tục được bổ sung, làm rõ hơn qua các kỳ Đại hội XII, XIII và các hội nghị Trung ương của hai kỳ đại hội trên. Đại hội XIII của Đảng (2021) xác định phần đầu đến giữa thế kỷ XXI đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, theo định hướng XHCN; trong đó, định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 được thể hiện qua 12 nội dung lớn, bao trùm tất cả các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hóa, chính trị, môi trường. 12 nội dung này trọng tâm vào các vấn đề: thể chế; quản lý phát triển xã hội; an ninh, quốc phòng; giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển con người; xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa...; dân chủ XHCN; đại đoàn kết dân tộc; xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN; xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện². Đại hội cũng yêu cầu cần tiếp tục nắm vững và xử lý tốt 10 mối quan hệ lớn, đó là: quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng XHCN; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất XHCN; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Nói đến lý luận về mô hình và các đặc trưng của CNXH Việt Nam không thể không kể đến những đóng góp của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Từ việc tiếp tục khẳng

định mô hình CNXH đã nêu trong *Cương lĩnh năm 2011*, Ông đã khắc họa và làm rõ thêm những đặc trưng về mô hình CNXH Việt Nam qua việc chỉ ra các nhiệm vụ cụ thể trong xây dựng CNXH. Theo đó:

Về kinh tế: Tập trung xây dựng cơ sở vật chất của CNXH (đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức); phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN;

Về văn hóa: Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

Về xã hội: Xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội;

Về quốc phòng và đối nội: Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;

Về đối ngoại: Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế;

Về chính trị: Xây dựng nền dân chủ XHCN, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại; xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện³.

Cố Tổng Bí thư đặc biệt nhấn mạnh các giá trị tổng quát của CNXH được nêu trong *Cương lĩnh năm 2011*, đó là: *dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*. Các giá trị này có sự bổ sung theo thực tiễn, kế thừa những giá trị truyền thống của dân tộc. Các giá trị tổng quát trên không chỉ thể hiện mục tiêu của CNXH mà trên thực tế còn được cụ thể hóa trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, bao gồm: từ kinh tế, xã hội đến văn hóa, từ con người, gia đình đến quốc gia.

Về các lực lượng xây dựng CNXH và mô hình chính trị XHCN của Việt Nam, cố Tổng Bí thư nhấn mạnh toàn Đảng, toàn dân và toàn quân là chủ thể xây dựng CNXH, trong đó, vai

trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản cầm quyền là yếu tố tiên quyết. Mô hình chính trị tổng quát của Việt Nam vẫn là Đảng Cộng sản lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng XHCN⁴. Mối quan hệ giữa ba chủ thể này là mối quan hệ thống nhất về mục tiêu và lợi ích; vận hành theo cơ chế dân chủ. Dân chủ là bản chất của chế độ XHCN, là phương tiện để nhân dân thực hiện quyền làm chủ xã hội, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân. Dân chủ, vì thế, vừa là mục tiêu vừa là động lực, song cũng là công cụ của nhân dân trong công cuộc xây dựng CNXH Việt Nam. Cùng với dân chủ, Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN cũng là công cụ để nhân dân quản lý xã hội.

Như vậy, tất cả những khái quát trên đây về CNXH của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đều toát lên tinh thần của tính nguyên tắc, tính thời đại và tính dân tộc.

Kế nhiệm và tiếp thu đầy đủ di sản lý luận về CNXH của người tiền nhiệm, Tổng Bí thư Tô Lâm đã tiếp tục tích cực, quyết liệt triển khai, chỉ đạo hành động để đạt được những mục tiêu trên trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong đó, tập trung vào các vấn đề: *Cách mạng chuyển đổi số; xây dựng Đảng; xây dựng Nhà nước; chống lãng phí; cải cách thể chế*.

Về kinh tế, xã hội, Tổng Bí thư Tô Lâm đặc biệt thúc đẩy, chỉ đạo tiến hành cuộc cách mạng chuyển đổi số. Ngày 02-09-2024, nhân dịp Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ông có bài phát biểu nhấn mạnh cách mạng chuyển đổi số toàn diện và sâu sắc để tạo ra một phương thức sản xuất mới - phương thức sản xuất số⁵. Ông coi đây là một nội dung then chốt trong công cuộc hiện đại hóa đất nước, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới: kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, kỷ nguyên của tiên tiến, văn minh, hiện đại.

Ông cũng đặc biệt nhấn mạnh cần đổi mới thể chế khi cho rằng, công cuộc xây dựng CNXH Việt Nam đang vướng ba điểm nghẽn: thể chế, hạ tầng và nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong đó, thể chế được coi là “điểm nghẽn của điểm nghẽn”⁶. Song song với đó là việc chống lãng phí. Tổng Bí thư nhấn mạnh, cần coi chống lãng phí quan trọng như chống tham nhũng, bởi số liệu và các thống kê thực tế cho thấy những dự án đang dở nhiều năm không hoàn thành, cả ở cấp quốc gia và địa phương, đã dẫn đến tổn thất kinh tế lớn cho đất nước. Đây là điểm mới mà Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh so với người tiền nhiệm. Ông đặc biệt quan tâm đến trách nhiệm của người lãnh đạo các cấp trong điều hành đất nước trong quá trình phát triển⁷.

Về chính trị, ông tiếp tục thúc đẩy công cuộc xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước như người tiền nhiệm và các văn kiện đã định hướng⁸.

2. Tính hài hòa và bền vững trong mô hình CNXH Việt Nam

Mô hình CNXH Việt Nam, với những đặc trưng nội tại, được định hình trên nền tảng của tính hài hòa và bền vững. Mối quan hệ tương giao giữa các mục tiêu phát triển và tính hài hòa và bền vững là điểm cốt lõi, chi phối toàn bộ tiến trình xây dựng CNXH trên mọi phương diện: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Tính hài hòa trong mô hình CNXH Việt Nam được thể hiện sâu sắc qua việc kiến tạo sự gắn kết lợi ích giữa các chủ thể và đối tượng của phát triển, cụ thể hóa ở bốn trụ cột chính:

Một là, hài hòa lợi ích quốc gia - dân tộc với lợi ích giai cấp và cộng đồng. Đây là nền tảng cốt lõi, bảo đảm vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mô hình này kiến tạo sự dung hợp lợi ích giữa quốc gia - dân tộc với lợi ích của các giai cấp, giai tầng trong xã hội, cũng như lợi ích của các nhóm, cộng đồng trên toàn lãnh thổ. *Cương lĩnh năm 2011* nhấn mạnh tầm quan trọng của nguyên tắc này khi khẳng định: “các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam

bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”⁹.

Hai là, hài hòa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội. CNXH ở Việt Nam kiên định mục tiêu “vì con người và do con người”, quán triệt tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Sự hài hòa này hướng tới việc tạo dựng điều kiện tối ưu cho sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân, đồng thời, kiến tạo một xã hội thịnh vượng về kinh tế, dân chủ, công bằng, văn minh. Trong đó, mọi công dân đều được bảo đảm các quyền cơ bản của con người, có được các cơ hội ngang nhau trong phát triển cũng như trong thụ hưởng thành quả phát triển. Đây là sự tổng hòa cao nhất giữa các mục tiêu lợi ích, thúc đẩy động lực cho sự phát triển bền vững.

Ba là, hài hòa trong quan hệ đối ngoại. Đường lối đối ngoại của Việt Nam nhất quán tôn trọng lợi ích chính đáng, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia khác, đồng thời, kiên trì mục tiêu thiết lập các quan hệ bình đẳng, độc lập, tự chủ và tôn trọng lẫn nhau. Triết lý “Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” đã minh chứng rõ nét tinh thần hòa bình, hài hòa trong chính sách đối ngoại của quốc gia.

Bốn là, hài hòa trong phương thức và mục tiêu phát triển nội tại. Nguyên tắc này thể hiện ở sự gắn kết hữu cơ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, cũng như bảo vệ môi trường trong từng chiến lược, chính sách. Việc Đại hội XIII của Đảng đã quán triệt 10 mối quan hệ lớn, đặc biệt là bổ sung thành tố môi trường vào mối quan hệ thứ sáu¹⁰, là minh chứng rõ nét cho sự nhất quán và tầm nhìn chiến lược này trong việc bảo đảm sự phát triển cân bằng và bền vững.

Tính bền vững là một yếu tố không thể tách rời trong mô hình CNXH Việt Nam. Các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam và các chiến lược phát triển quốc gia đều nhất quán hướng tới một tương lai mà ở đó đất nước và nhân dân đạt được sự sung túc về vật chất, phong phú về tinh thần và văn hóa, công bằng

xã hội, đồng thuận, dân chủ và hài hòa giữa con người với tự nhiên.

Các mục tiêu cụ thể trong xây dựng CNXH ở Việt Nam không chỉ tương đồng mà còn có sự gắn kết nội tại với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Điều này khẳng định nhận thức rằng, phát triển bền vững không chỉ giới hạn ở khía cạnh môi trường, mà bao hàm hai phương diện cốt yếu sau:

Thứ nhất, bền vững thể hiện qua sự hài hòa đồng bộ giữa các trụ cột phát triển. Tính bền vững đòi hỏi sự cân bằng và tương hỗ giữa các trụ cột chính của phát triển, bao gồm kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa, chính trị và con người. Trên thực tế, mô hình CNXH Việt Nam, được phác thảo từ *Cương lĩnh năm 2011*, đã phản ánh đầy đủ các trụ cột này trong định hướng tổng thể. Sự chuyển dịch trọng tâm từ việc tập trung chủ yếu vào kinh tế - xã hội trước Đại hội XII đến việc bổ sung môi trường vào mối quan hệ thứ sáu trong 10 mối quan hệ lớn tại Đại hội XIII¹¹, là minh chứng rõ nét cho sự nhận thức ngày càng toàn diện và sâu sắc về tính hài hòa và bền vững trong định hướng phát triển của Đảng.

Thứ hai, bền vững trong từng hợp phần cấu thành của các trụ cột phát triển. Tính bền vững còn được củng cố trong chính bản thân mỗi hợp phần cấu thành từng trụ cột phát triển, với những định hướng và tiêu chí cụ thể:

Bền vững về kinh tế: Tập trung vào kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế giảm phát thải, và phát triển năng lượng sạch. Nguyên tắc cơ bản là không đánh đổi tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá, tránh gây ra bất công xã hội, ô nhiễm môi trường, hoặc mất ổn định chính trị.

Bền vững về xã hội: Giải quyết hiệu quả các thách thức về xóa đói giảm nghèo, việc làm, an sinh xã hội, y tế, giáo dục và phát triển con người, đặc biệt là những vấn đề phát sinh từ quá trình công nghiệp hóa và biến đổi khí hậu.

Bền vững về môi trường: Chủ động chống ô nhiễm, suy thoái môi trường, sử dụng hiệu quả

tài nguyên thiên nhiên, ứng phó và thích ứng một cách có trách nhiệm với biến đổi khí hậu.

Bền vững về văn hóa: Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc nói chung và văn hóa của các dân tộc thiểu số nói riêng trong bối cảnh phát triển và hội nhập quốc tế, bảo đảm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.

Ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh: Duy trì ổn định xã hội, củng cố sức mạnh của hệ thống chính trị, thực thi dân chủ gắn liền với kỷ cương (như nhấn mạnh trong mỗi quan hệ thứ 10 tại Đại hội XIII); phát huy vai trò của Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, kiên định đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa và bảo đảm vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Như vậy, mô hình CNXH Việt Nam không chỉ tương hợp mà còn có những đóng góp đặc thù vào xu thế phát triển bền vững toàn cầu. Điểm ưu việt nổi bật nằm ở một hệ thống chính trị thống nhất, nhất quán, có khả năng định hướng và bảo đảm sự phát triển bền vững một cách toàn diện. Trong đó, vai trò của Nhà nước là đặc biệt then chốt trong việc quản lý, quản trị theo phương thức hiện đại, hiệu quả.

Công cuộc chuyển đổi số mạnh mẽ, với việc xây dựng chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, không chỉ tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài nguyên, thúc đẩy phương thức sản xuất mới, mà còn tăng cường tính minh bạch, khả năng liên thông, liên kết. Từ đó, góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội như lãng phí và tham nhũng - những thách thức vốn khó kiểm soát trong các cơ chế quản lý truyền thống. Điều này khẳng định CNXH Việt Nam là một mô hình phát triển đầy tiềm năng, vừa kế thừa các giá trị phổ quát, vừa mang đậm bản sắc dân tộc, hướng tới một tương lai hài hòa và bền vững.

Những thuận lợi và khó khăn trong xây dựng CNXH hài hòa và bền vững qua mô hình của Việt Nam

Về thành công, thuận lợi:

Một là, Việt Nam đã xác định đúng đắn và kịp thời định hướng phát triển đất nước theo

con đường XHCN. Từ đó, thể hiện quyết tâm chính trị cao trong thực hiện, đồng thời có sự kiên định và linh hoạt trong việc lựa chọn lộ trình phù hợp với từng giai đoạn phát triển, sát với tình hình thực tiễn trong nước và bối cảnh kinh tế, chính trị, an ninh thế giới. Những kế hoạch cụ thể, lộ trình rõ ràng được xây dựng đã góp phần nâng cao tính khả thi trong triển khai mục tiêu chiến lược;

Hai là, định hướng phát triển đúng đắn đã giúp Việt Nam đạt được những thành tựu quan trọng về kinh tế và ổn định xã hội; đồng thời, từng bước xử lý hài hòa lợi ích giữa các tầng lớp xã hội, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

Ba là, có sự phối hợp đồng bộ và thống nhất trong toàn hệ thống chính trị. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được phát huy gắn bó chặt chẽ với quản lý nhà nước hiện đại và sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

Về hạn chế, khó khăn:

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu, Việt Nam hiện đối mặt với một số thách thức trong quá trình xây dựng CNXH hài hòa và bền vững:

Một là, thách thức nội tại từ kinh tế thị trường định hướng XHCN. Bao gồm sự phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội sâu sắc hơn; các vấn đề xã hội phức tạp khác nảy sinh từ mặt trái của cơ chế thị trường nhưng chưa được giải quyết triệt để;

Hai là, vấn đề văn hóa và hệ giá trị. Yêu cầu về bảo tồn, phát triển và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong bối cảnh hội nhập và hiện đại hóa, đồng thời đối phó với những tác động tiêu cực từ văn hóa ngoại lai.

Ba là, áp lực môi trường và biến đổi khí hậu. Đây là những thách thức mang tính toàn cầu nhưng có tác động sâu sắc đến sự phát triển bền vững của quốc gia, đòi hỏi những giải pháp căn cơ và dài hạn.

Những khó khăn này xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Về khách quan, bối cảnh quốc tế có nhiều biến động khó lường; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những tác động sâu rộng đang đặt ra không ít thách thức cho Việt Nam trong việc định hình và thực hiện các chính sách phát triển phù hợp. Bên cạnh đó, những hệ lụy mang tính tất yếu của cơ chế thị trường - vốn vận hành theo nguyên lý lợi nhuận - cũng tác động tiêu cực đến mục tiêu phát triển XHCN, đòi hỏi sự điều tiết linh hoạt nhưng kiên định từ phía Nhà nước. Việc vừa phát huy các yếu tố tích cực của kinh tế thị trường, vừa định hướng phục vụ lợi ích của đa số nhân dân, đặt ra yêu cầu cao về năng lực điều hành và bản lĩnh chính trị của đội ngũ lãnh đạo.

Về chủ quan, việc tiếp thu và nhận thức các vấn đề mới từ thực tiễn và lý luận chưa thống nhất giữa các chủ thể trong xã hội, thậm chí còn tồn tại sự khác biệt trong nhận thức ngay ở nội bộ các cơ quan lãnh đạo. Ngoài ra, mối liên hệ lợi ích giữa các nhóm xã hội khác nhau, nhất là những nhóm chịu tác động trực tiếp bởi các chính sách đổi mới, cũng tạo ra rào cản trong việc đạt được sự đồng thuận cao trong hoạch định và triển khai chính sách. Đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng chậm trễ, lúng túng trong việc đổi mới thể chế, cơ chế quản lý và vận hành trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là ở các lĩnh vực mới như chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo...

Việc khắc phục những khó khăn nêu trên đòi hỏi thời gian, sự kiên định về chính trị và cả sự dũng cảm trong thử nghiệm thực tiễn. Trong đó, vai trò của đội ngũ lãnh đạo tinh hoa - với tầm nhìn chiến lược và ý chí cải cách mạnh mẽ - đóng vai trò quyết định trong việc dẫn dắt quá trình phát triển theo định hướng XHCN trong bối cảnh mới.

3. Kết luận

Có thể khẳng định rằng, các mục tiêu của CNXH không tách rời mà đồng thuận và bổ trợ cho các mục tiêu phát triển hài hòa, bền

vững. Thực tiễn phát triển tại Việt Nam thời gian qua đã chứng minh sự gắn kết giữa hai hệ mục tiêu này, thể hiện qua những thành tựu đáng ghi nhận trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và giữ vững ổn định chính trị. Những kết quả đó là sản phẩm của tầm nhìn chiến lược về một mô hình phát triển hài hòa - không chỉ với thế giới và khu vực, mà còn trong nội bộ quốc gia.

Tuy nhiên, để tiếp tục làm sâu sắc hơn mối quan hệ giữa CNXH và phát triển bền vững, cần có thêm thời gian nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và mở rộng tham khảo kinh nghiệm từ các quốc gia có điều kiện tương đồng về kinh tế, chính trị, văn hóa. Đây sẽ là tiền đề quan trọng để Việt Nam từng bước hoàn thiện mô hình phát triển XHCN đặc thù, bảo đảm sự bền vững và phù hợp với yêu cầu của thời đại □

⁹ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb. CTQGST. H., 2019, tr.502; 502.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. CTQGST, H., 2021, tập I, tr.36-39.

^{3, 4} Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam*, Nxb. CTQGST, H., 2022, tr.24-25; 29.

⁵ Xem: https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/chuyen-doi-so-dong-luc-quan-trong-phat-trien-luc-luong-san-xuat-hoan-thien-quan-he-san-xuat-dua-dat-nuoc-buoc-vao-ky-nguyen-moi

⁶ Phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Phiên khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV. Nguồn: <https://nvsk.vnnet.vn/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-to-lam-tai-phiien-khai-mac-ky-hop-thu-8-quoc-hoi-khoa-xv-3-150152-1-154544.vna>

⁷ Xem: <https://www.xaydungdang.org.vn/van-kien-tu-lieu/bai-viet-cua-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-to-lam-ve-chong-lang-phi-21798>

⁸ Xem: <https://www.xaydungdang.org.vn/van-kien-tu-lieu/bai-viet-cua-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-to-lam-phat-huy-tinh-dang-trong-xay-dung-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-21847>

⁰ Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.